

Thứ năm, ngày 14 tháng 1 năm 2021

Vietnam Daily Review

Giảng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/1/2021			•
Tuần 11/1-15/1/2021			•
Tháng 1/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu dao động quanh mốc tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư cải thiện với 9/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại trở lại mua ròng trên sàn HSX nhưng vẫn bán ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực đồng thời thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ tiếp tục có sự cân bằng về cung cầu vào phiên cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2106, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1200 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/1/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_5.3%

Phân tích kỹ thuật: TCB_Tăng giá trung hạn (Trang 4)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.35** điểm, đóng cửa **1187.4**. HNX-Index **-0.22** điểm, đóng cửa **222.27**.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.88)**; **VPB (+0.75)**; **TCB (+0.58)**; **CTG (+0.51)**; **BID (+0.44)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.14)**; **VCB (-0.89)**; **VNM (-0.78)**; **VIC (-0.63)**; **GAS (-0.46)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,327 tỷ đồng**, **-1.95%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 17,077 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 11.66 điểm. Thị trường có **258** mã tăng, **58** mã tham chiếu và **173** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1003.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (640.4 tỷ)**, **KBC (401.7 tỷ)** và **NVL (121.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.72** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1187.40**
Giá trị: 15327.24 tỷ **1.35 (0.11%)**
Khối ngoại (ròng): 1003.91 tỷ

HNX-INDEX **222.27**
Giá trị: 771.04 tỷ **-0.22 (-0.1%)**
Khối ngoại (ròng): -17.72 tỷ

UPCOM-INDEX **77.75**
Giá trị: 746.4 tỷ **-0.18 (-0.23%)**
Khối ngoại (ròng): -29.04 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	53.2	0.51%
Giá vàng	1,841	-0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,065	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	28,144	-0.34%
Tỷ giá JPY/VND	22,169	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	0.3%	12.94%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-3.15%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	640.4	HPG	210.5
KBC	401.7	VNM	118.5
NVL	121.3	VCI	77.7
VRE	100.2	VND	30.5
FUEVFVNI	45.5	CTG	23.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_5.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	15/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	5.3%	5.0%	8.9%	8.9%	8.9%	8.9%	34.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	2.1%	9.9%	15.4%	15.4%	15.4%	15.4%	18.5%
Chiến tranh thương mại	1.7%	10.4%	14.4%	14.4%	14.4%	14.4%	18.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	1.2%	12.8%	12.8%	12.8%	12.8%	21.1%
VN FinSelect	1.6%	1.2%	11.8%	11.8%	11.8%	11.8%	19.9%
Corona Avengers	1.4%	3.9%	11.1%	11.1%	11.1%	11.1%	17.0%
EVFTA	1.4%	7.4%	15.1%	15.1%	15.1%	15.1%	16.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.2%	4.4%	15.0%	15.0%	15.0%	15.0%	17.4%
Ngân Hàng	1.0%	0.4%	9.6%	9.6%	9.6%	9.6%	18.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	2.7%	10.6%	10.6%	10.6%	10.6%	11.9%
VN Diamond	0.9%	3.1%	10.3%	10.3%	10.3%	10.3%	10.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	2.1%	8.8%	8.8%	8.8%	8.8%	12.5%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	2.2%	5.1%	5.1%	5.1%	5.1%	13.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	2.6%	9.3%	9.3%	9.3%	9.3%	13.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	2.1%	9.8%	9.8%	9.8%	9.8%	11.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	3.6%	6.3%	6.3%	6.3%	6.3%	15.1%
Dầu khí	-0.1%	3.6%	14.9%	14.9%	14.9%	14.9%	33.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	1.7%	7.3%	7.3%	7.3%	7.3%	18.6%
FTSE Việt Nam	-0.6%	1.5%	7.0%	7.0%	7.0%	7.0%	20.2%
Xây dựng	-0.6%	2.5%	5.9%	5.9%	5.9%	5.9%	19.2%
Nước & Năng lượng	-0.6%	0.5%	4.0%	4.0%	4.0%	4.0%	15.2%
Đầu tư công	-0.7%	1.8%	5.6%	5.6%	5.6%	5.6%	19.3%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	0.9%	2.6%	2.6%	2.6%	2.6%	14.1%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.8%	2.4%	3.1%	3.1%	3.1%	3.1%	15.0%
Stay-at-home	-1.0%	2.4%	2.1%	2.1%	2.1%	2.1%	17.3%
Lãi suất giảm	-1.0%	1.3%	3.4%	3.4%	3.4%	3.4%	17.1%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.4%	2.9%	7.7%	7.7%	7.7%	7.7%	12.2%
M31	0.6%	2.4%	8.9%	8.9%	8.9%	8.9%	12.5%
L32	0.1%	2.2%	7.1%	7.1%	7.1%	7.1%	13.7%
L11	-0.1%	2.6%	7.7%	7.7%	7.7%	7.7%	16.6%
M22	-0.2%	1.9%	7.0%	7.0%	7.0%	7.0%	11.8%
S21	-0.3%	2.8%	7.9%	7.9%	7.9%	7.9%	16.9%
M12	-0.3%	1.7%	8.2%	8.2%	8.2%	8.2%	12.8%
L22	-0.3%	1.3%	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%	14.7%
S11	-0.5%	1.9%	6.1%	6.1%	6.1%	6.1%	15.1%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	1.9%	7.4%	16.3%	16.3%	16.3%	16.3%	15.4%
HIGH3	0.2%	3.8%	9.5%	9.5%	9.5%	9.5%	15.3%
MID1	-0.5%	2.1%	7.3%	7.3%	7.3%	7.3%	12.4%

INDEX							
VNINDEX	0.1%	1.7%	7.6%	7.6%	7.6%	7.6%	10.4%
VN30INDEX	0.4%	1.8%	9.2%	9.2%	9.2%	9.2%	11.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	15	11	19	7	15	11
Mục tiêu	9	3	6	7	2	5	4
Rủi ro	3	2	1	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/1

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.00	0.17%	4.30%	13.40%	-2.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	56.08	0.04%	3.10%	12.40%	-1.70%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	154.77	-0.07%	4.40%	17.80%	1.74%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1839.69	-0.32%	-3.90%	0.70%	16.28%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.20	-0.07%	-7.10%	5.70%	39.26%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1406.75	0.04%	3.80%	20.60%	47.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	657.75	-0.42%	2.40%	7.00%	10.87%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.26	-0.31%	-3.50%	0.20%	-5.47%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	229.17	-0.48%	-0.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.84	2.46%	-2.50%	8.00%	7.76%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	125.25	3.17%	3.60%	3.50%	-1.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	8009.00	0.42%	-0.40%	3.70%	27.39%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	661.94	-0.24%	-2.80%	7.70%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	684.81	-0.01%	-3.50%	3.20%			
Nhôm	USD/ton	2013.00	-0.32%	-1.30%	-1.10%	11.77%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	160.50	0.01%	-0.30%	7.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	88.80	-0.39%	16.50%	13.60%	23.85%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 2/2021 giảm 52 US cent tương đương 0.9% xuống 56.06 USD/thùng và dầu thô WTI kỳ hạn tháng 2/2021 giảm 30 US cent tương đương 0.6% xuống 52.91 USD/thùng.
- Tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm tuần thứ 5 liên tiếp, giảm 3.2 triệu thùng trong tuần trước, cao hơn dự kiến của các nhà phân tích giảm 2.3 triệu thùng, khi các nhà máy lọc dầu tăng sản lượng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại mức mức 1,854.84 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 2/2021 trên sàn New York tăng 0.6% lên 1,854.9 USD/ounce. Giá vàng được hỗ trợ bởi chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ trong tháng 12/2020 tăng 0.4% sau khi tăng 0.2% trong tháng 11/2020.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.1% lên 1,034 CNY/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 0.3% xuống 4,293 CNY/tấn, trong khi giá thép cuộn cán nóng tăng 0.1% lên 4,438 CNY/tấn.
- Doanh số bán ô tô của Trung Quốc giảm năm thứ 3 liên tiếp trong năm 2020, song doanh số bán ô tô trong tháng 12/2020 tiếp tục tăng, khi nước này dẫn đầu sự phục hồi trong ngành công nghiệp ô tô toàn cầu từ đại dịch Covid-19.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn Osaka tăng 1.5 JPY tương đương 0.6% lên 239.2 JPY (2.3 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 225 CNY lên 14,325 CNY (2,215 USD)/tấn.
- Thị trường được thúc đẩy bởi mối lo ngại kéo dài về chi phí vận chuyển tăng cao và thị trường container thắt chặt dẫn đến nguy cơ gián đoạn nguồn cung.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 2.4% lên 15.84 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 10.2 USD tương đương 2.4% lên 446.2 USD/tấn. Sản lượng đường tại Thái Lan và EU giảm sẽ khiến nguồn cung thắt chặt và hỗ trợ giá đường
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3 tăng 3.85 US cent tương đương 3.2% lên 1.2525 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 tăng 30 USD tương đương 2.3% lên 1,332 USD/tấn.

	14/1	% 14/1	13/1	% 13/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1187.40	0.11%	1186.05	-0.52%	2.67%	11.59%
S&P 500			3809.84	0.23%	1.65%	3.86%
HĐTL S&P500	3813.25	0.25%	3803.75	0.24%	0.47%	4.37%
Shang- hai	3565.91	-0.91%	3598.65	-0.27%	-0.29%	5.84%
Euro Stoxx	3633.02	0.46%	3616.51	0.12%	0.29%	4.22%

BSC

Phân tích kỹ thuật

TCB_Tăng giá trung hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng đi ngang

Nhận định: TCB đang nằm trong nhịp tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 35.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên trong những phiên tích lũy gần đây. Chỉ báo RSI đang phản ánh xu hướng tích lũy sau khi thị giá TCB đang nằm ở trong vùng mua quá. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm trên dải mây ichimoku, phản ánh xu hướng tăng giá trung hạn. Như vậy, nhà đầu trung và dài hạn có thể mở vị khi cổ phiếu tại vùng giá 35.0-36.0 và cần nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận vùng giá 41.5, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 33.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

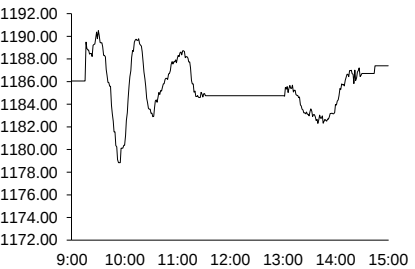
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.22%
Dầu khí	-0.78%
Thực phẩm và đồ uống	-0.76%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.62%
Du lịch và Giải trí	-0.47%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.44%
Tài nguyên Cơ bản	-0.44%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.39%
Y tế	-0.24%
Bất động sản	-0.21%
Xây dựng và Vật liệu	0.04%
Công nghệ Thông tin	0.10%
Viễn thông	0.37%
Bảo hiểm	0.46%
Ngân hàng	0.63%
Bán lẻ	1.05%
Hóa chất	1.69%
Ô tô và phụ tùng	2.88%
Dịch vụ tài chính	4.29%

Hình 1

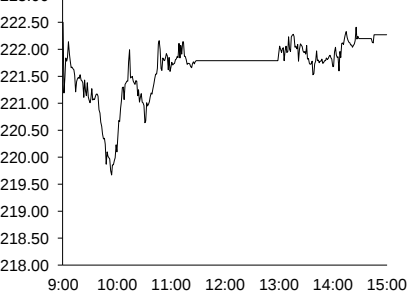
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 40000

Dự báo KQKD 2021.

Trong năm 2020, BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI = 25,031 tỷ VND (+18.8% yoy), PBT = 14,539 tỷ VND (+13.2% yoy). Trong năm 2021, BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI = 27,511 tỷ VND (+10.0% yoy) và PBT = 16,819 tỷ VND (+15.7% yoy), BVPS 2021 = 24,850 VND/cp.

Cập nhật KQKD

Tín dụng +9.2% ytd, NIM +1.15%. TCB tập trung cải thiện giảm COF nhờ tăng tỷ lệ CASA lên mức 38.6%. Thu ngoài lãi +45.9% yoy, chủ yếu từ tăng phí dịch vụ (+41.8% yoy), bảo lãnh phát hành CK (+165% yoy). Tiết giảm chi phí. CIR = 33.4%. Tăng trích lập dự phòng. Chi phí tín dụng = 1.8%. Chất lượng tài sản được cải thiện. Các chỉ số an toàn ở mức cao.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express TCB 2020Q4**

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	30.8	1	-0.96%	Có thể tiếp tục mua
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	205	2	-0.24%	Có thể tiếp tục mua
1/11/2021	DRC	24.8	29	22.3	25.1	3	1.21%	Có thể tiếp tục mua
1/8/2021	PTB	61.4	69.5	58	63.4	6	3.26%	Có thể tiếp tục mua
1/6/2021	MPC	30.6	36	28.4	31.2	8	1.96%	Có thể tiếp tục mua
1/4/2021	PWA	12.9	16.5	12	14.3	10	10.85%	Có thể tiếp tục mua
12/31/2020	ANV	24.9	29	22	24.8	14	-0.40%	Có thể tiếp tục mua
12/23/2020	DPG	31.6	36	29	33.4	22	5.70%	Có thể tiếp tục mua
12/22/2020	CTI	15.05	18	13.5	16.4	23	8.97%	Có thể tiếp tục mua
12/18/2020	MBB	23.1	29	21.5	26.4	27	14.29%	Có thể tiếp tục mua
12/17/2020	VPG	16.7	20	15.5	18.85	28	12.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/16/2020	PLP	8.52	12	7.5	11	29	29.11%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	18.85	38	11.21%	Có thể tiếp tục mua
12/4/2020	CTG	34.2	39.9	30.07	39.15	41	14.47%	Cần nhắc không mua thêm (**)
9/29/2020	VNM	108.2	119.39	97.6	113.1	107	4.53%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt(**) Tiệm cận giá mục tiêu

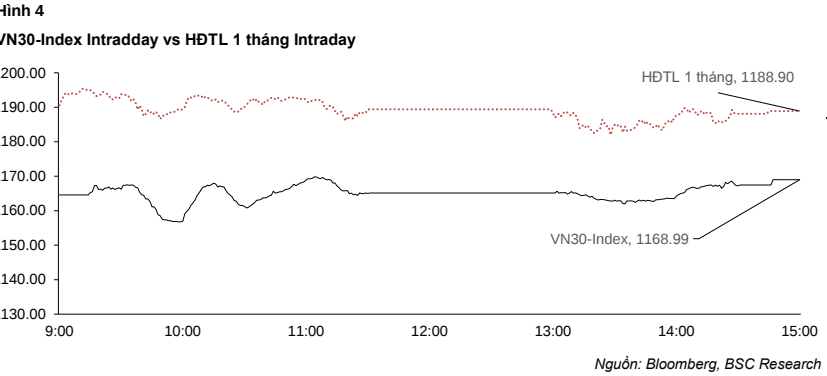
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/7/2021	HAG	5.64	6.3	5	TP	4	11.70%
1/5/2021	LSS	8.61	10.2	7.5	TP	7	18.47%
12/30/2020	NHH	54	60	51.5	TP	7	11.11%
12/29/2020	HII	16.1	18	15	TP	2	11.80%
12/28/2020	DRH	9.52	11.2	8	TP	7	17.65%
12/25/2020	OGC	7.58	8.4	6.9	TP	4	10.82%
12/24/2020	TCH	19.46	21.46	18.54	TP	15	10.28%
12/21/2020	PVB	17.5	21.5	16.5	SL	1	-5.71%
12/15/2020	LTG	25.8	28.5	24.5	TP	20	10.47%
12/14/2020	KSB	30.45	35	26	TP	22	14.94%
12/11/2020	DBC	46.15	55	42	TP	18	19.18%
12/10/2020	NVL	63.8	75	60	TP	29	17.55%
12/9/2020	BVH	57.9	65	55	TP	19	12.26%
12/8/2020	GEX	21	23.5	18.3	TP	15	11.90%
12/3/2020	OIL	8.5	9.5	8	TP	18	11.76%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhấtTP - Đã chốt lờiSL - Đã cắt lỗFS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	3	9.87%	-0.54%	7.79%	24
Cổ phiếu đã chốt	102	37	12.73%	-7.41%	7.37%	30

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2101	1188.90	-0.26%	19.91	4.7%	157,233	1/21/2021	7
VN30F2102	1193.30	-0.10%	24.31	54.2%	2,836	2/18/2021	35
VN30F2103	1193.40	0.09%	24.41	-13.2%	125	3/18/2021	63
VN30F2106	1193.90	-0.02%	24.91	-16.9%	64	6/17/2021	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +4.42 điểm lên 1168.99 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, STB, SSI, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1160-1170 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 1160-1170 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2106, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1200 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCH2002	2/18/2021	35	4:1	1,251,000	38.76%	1,100	1,970	23.13%	1,030	1.91	26,177	21,777	25,700
CVPB2012	4/1/2021	77	2:1	357,700	36.19%	2,000	7,200	10.77%	7,016	1.03	27,000	23,000	36,800
CSTB2013	3/12/2021	57	1:1	233,500	35.92%	3,200	8,300	7.65%	8,189	1.01	15,200	12,000	20,100
CSTB2014	6/14/2021	151	1:1	260,900	35.92%	3,800	8,710	7.00%	8,346	1.04	15,800	12,000	20,100
CMWG2016	6/10/2021	147	10:1	621,300	28.40%	1,700	3,400	6.58%	2,355	1.44	125,000	108,000	127,900
CTCB2010	4/1/2021	77	2:1	338,300	33.72%	2,000	7,690	3.92%	7,232	1.06	25,500	21,500	35,750
CTCB2013	5/4/2021	110	1:1	216,200	33.72%	4,700	13,570	3.91%	13,089	1.04	27,700	23,000	35,750
CVNM2011	6/11/2021	148	20:1	1,692,300	24.18%	1,100	1,650	1.85%	87	19.06	127,429	109,378	113,100
CVRE2014	5/4/2021	110	1:1	216,900	33.30%	4,600	10,000	1.42%	9,612	1.04	32,100	27,500	36,600
CFPT2016	6/22/2021	159	5:1	487,500	23.46%	2,580	3,950	1.28%	3,501	1.13	62,900	50,000	66,400
CSTB2011	3/30/2021	75	1:1	571,100	35.92%	2,700	5,750	1.23%	5,760	1.00	17,200	14,500	20,100
CMBB2011	3/12/2021	57	1:1	39,900	27.33%	3,800	10,410	1.07%	10,713	0.97	19,800	16,000	26,400
CHPG2018	5/14/2021	120	4:1	638,700	32.13%	1,200	4,850	1.04%	3,737	1.30	34,799	29,999	44,450
CREE2006	5/10/2021	116	4:1	586,300	23.10%	1,500	3,330	0.60%	2,924	1.14	48,000	42,000	53,000
CVIC2006	4/1/2021	77	10:1	500,400	25.52%	1,700	3,330	0.30%	2,434	1.37	104,000	87,000	110,400
CVHM2007	2/8/2021	25	5:1	626,900	29.79%	2,900	5,160	-3.55%	4,969	1.04	89,500	75,000	99,600
CHPG2010	4/5/2021	81	4:1	546,500	32.13%	1,800	5,850	-4.10%	2,936	1.99	32,969	27,079	44,450
CVNM2010	2/8/2021	25	10:1	892,600	24.18%	2,680	3,110	-5.76%	487	6.38	112,223	90,238	113,100
CMSN2010	3/30/2021	75	1:1	101,900	33.45%	4,800	19,160	-6.54%	18,917	1.01	59,800	55,000	92,300
Tổng				10,179,900	30.90%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/1/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.
- CVIC2007 và CTCH2002 tăng mạnh lần lượt là 28.00% và 23.13%. Trái lại, CVNM2014 và CVNM2007 giảm mạnh lần lượt là -12.75% và -9.47%. Giá trị giao dịch giảm -24.50%. CMBB2011 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 3.78% thị trường.
- CHPG2024, CMBB2012, CSTB2011, CTCB2009, và CVPB2014 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CHPG2025, và CVPB2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2010, CHPG2020, và CHPG2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	36.80	3.08	2.39
TCB	35.75	1.71	1.87
STB	20.10	3.08	1.31
MBB	26.40	1.54	0.86
SSI	35.35	5.52	0.85

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	113.1	-1.22	-1.18
VHM	99.6	-1.29	-0.71
HPG	44.5	-0.56	-0.58
VIC	110.4	-0.63	-0.55
MSN	92.3	-1.07	-0.52

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	127.9	1.3%	1.2	2,517	7.9	8,517	15.0	3.8	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	82.1	-0.7%	1.2	812	1.7	4,592	17.9	3.8	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	70.0	-0.6%	1.5	2,259	2.2	1,731	40.4	2.6	28.3%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	36.2	8.4%	0.4	352	0.9	2,729	13.3	1.2	54.3%	9.1%
VIC	Bất động sản	110.4	-0.6%	0.8	16,236	7.0	2,660	41.5	4.3	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	36.6	1.1%	1.1	3,616	11.9	1,001	36.6	2.9	31.2%	8.1%
VHM	Bất động sản	99.6	-1.3%	1.2	14,245	14.2	6,895	14.4	4.4	22.2%	35.4%
DXG	Bất động sản	18.3	3.7%	1.4	411	9.4	(151)		1.4	34.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	35.4	5.5%	1.4	921	34.1	1,834	19.3	2.3	45.4%	11.5%
VCI	Chứng khoán	60.5	2.5%	1.0	436	7.0	3,770	16.0	2.5	27.7%	15.9%
HCM	Chứng khoán	33.7	5.7%	1.6	446	15.9	1,705	19.7	2.3	47.6%	11.8%
FPT	Công nghệ	66.4	-0.2%	0.8	2,263	5.1	4,236	15.7	3.5	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	62.0	2.0%	0.4	738	0.1	4,812	12.9	3.3	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	92.1	-1.0%	1.4	7,664	3.1	4,752	19.4	3.8	3.1%	19.7%
PLX	Dầu khí	56.2	-1.4%	1.5	2,978	2.9	681	82.5	3.4	15.7%	4.3%
PVS	Dầu khí	20.8	1.5%	1.6	432	6.8	1,621	12.8	0.8	10.7%	6.3%
BSR	Dầu khí	12.5	0.8%	0.8	1,685	4.2	898	13.9	1.1	41.1%	8.5%
DHG	Dược	108.9	-0.1%	0.4	619	0.2	5,405	20.1	4.2	54.7%	21.7%
DPM	Hóa chất	19.6	0.5%	0.5	333	1.9	2,011	9.7	1.0	12.8%	10.4%
DCM	Hóa chất	14.3	0.0%	0.5	328	1.7	858	16.6	1.2	3.0%	7.4%
VCB	Ngân hàng	103.9	-0.9%	1.1	16,754	3.8	4,630	22.4	4.1	23.8%	19.7%
BID	Ngân hàng	48.9	0.8%	1.3	8,542	4.0	2,126	23.0	2.5	17.4%	12.5%
CTG	Ngân hàng	39.2	1.3%	1.2	6,338	14.0	2,948	13.3	1.8	28.9%	14.0%
VPB	Ngân hàng	36.8	3.1%	1.2	3,928	10.4	4,111	9.0	1.8	23.4%	22.2%
MBB	Ngân hàng	26.4	1.5%	1.2	3,212	22.8	2,968	8.9	1.6	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	29.9	0.0%	0.9	2,805	10.9	3,109	9.6	2.0	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	64.8	-0.2%	0.8	231	1.9	6,186	10.5	2.2	82.1%	20.7%
NTP	Nhựa	38.2	-1.0%	0.4	196	0.1	3,820	10.0	1.7	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	24.8	2.1%	0.5	1,185	1.0	356	69.7	2.0	11.6%	2.9%
HPG	Thép	44.5	-0.6%	1.2	6,403	33.7	3,241	13.7	2.7	32.6%	21.3%
HSG	Thép	25.1	-0.8%	1.5	484	6.9	2,507	10.0	1.7	11.6%	19.2%
VNM	Tiêu dùng	113.1	-1.2%	0.7	10,276	18.1	4,784	23.6	8.1	57.8%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	205.0	-1.0%	0.8	5,716	1.4	6,312	32.5	6.6	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	92.3	-1.1%	1.0	4,714	5.8	2,067	44.7	5.3	33.6%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	22.9	1.3%	1.0	613	4.7	702	32.5	1.9	2.2%	5.5%
ACV	Vận tải	81.1	-1.0%	0.8	7,676	1.1	3,450	23.5	4.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	130.7	-0.5%	1.1	2,977	4.3	(1,528)		4.9	18.7%	-5.6%
HVN	Vận tải	30.8	-1.0%	1.7	1,899	2.5	(7,345)		6.4	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	35.8	-0.4%	0.9	468	4.8	1,179	30.3	1.8	38.6%	5.8%
PVT	Vận tải	15.1	0.0%	1.2	212	2.6	1,709	8.8	1.0	14.1%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.0	0.1%	1.0	607	1.3	8,260	10.9	3.8	3.4%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	27.0	0.4%	0.7	526	0.3	1,411	19.1	1.9	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.9	-0.8%	0.9	313	0.7	1,762	10.7	1.3	6.0%	11.9%
CTD	Xây dựng	84.0	-0.2%	1.1	279	3.9	7,505	11.2	0.8	45.7%	6.9%
CII	Xây dựng	23.9	-1.0%	0.4	248	3.8	114	209.4	1.1	28.7%	0.5%
REE	Điện	53.0	-0.4%	-1.4	712	1.1	4,599	11.5	1.5	49.0%	13.7%
PC1	Điện	23.7	-1.5%	-0.4	197	0.6	2,241	10.6	1.2	13.6%	11.8%
POW	Điện	14.2	0.0%	0.6	1,446	8.3	679	20.9	1.2	8.5%	5.8%
NT2	Điện	25.0	-1.2%	0.5	313	0.9	2,103	11.9	1.8	18.7%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	33.4	6.9%	1.0	681	13.6	879	38.0	1.7	15.9%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	52.0	2%	1.1	2,340	0.2			3.6	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	32.65	2.51	0.86	7.40MLN
VPB	36.80	3.08	0.73	6.53MLN
TCB	35.75	1.71	0.57	12.00MLN
CTG	39.15	1.29	0.50	8.28MLN
BID	48.85	0.83	0.43	1.90MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.17	3.27MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.90	832200	607060
VNM	0.00	-0.79	3.68MLN	373600
VIC	0.00	-0.64	1.44MLN	192700
GAS	0.00	-0.46	775000	611640

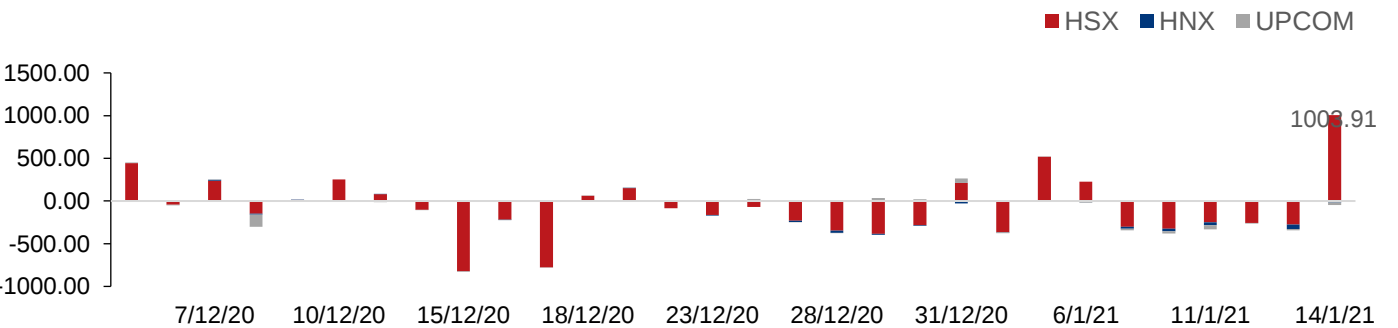
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMT	6.42	7.00	0.00	72400.00
RIC	6.27	7.00	0.00	16500
VOS	3.52	6.99	0.01	6.61MLN
SVT	14.55	6.99	0.00	39200
VPI	36.05	6.97	0.13	3.67MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	7.35	-6.96	0.00	900
LGC	64.20	-6.96	-0.25	1000
KPF	19.40	-6.95	-0.01	5600.00
HRC	67.00	-6.94	-0.04	83100
VAF	9.60	-6.80	-0.01	11600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	15.5	1,412	10.9	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	29.9	3,109	9.6	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	81.1	3,450	23.5	4.8	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	30.2	4,752	6.4	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	39.2	2,948	13.3	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	63.0	13,673	4.6	1.7	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	52.7	5,316	9.9	2.0	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	81.5	5,241	15.6	3.3	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	108.9	5,405	20.1	4.2	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	19.6	2,011	9.7	1.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	25.1	1,918	13.1	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	18.3	-151		1.4	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	66.4	4,236	15.7	3.5	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	35.8	1,179	30.3	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.8	6,418	6.5	2.2	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	44.5	3,241	13.7	2.7	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	25.1	2,507	10.0	1.7	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	33.4	879	38.0	1.7	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	33.0	2,067	16.0	2.4	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	33.0	2,067	16.0	2.4	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	14.4			1.1	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	31.2	2,528	12.3	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	92.3	2,067	44.7	5.3	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	127.9	8,517	15.0	3.8	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	33.0	2,627	12.5	1.7	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	286.8	9,855	29.1	11.9	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	69.3	3,674	18.9	3.0	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	30.6	1,928	15.9	1.9	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	82.1	4,592	17.9	3.8	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	21.4	0	36.7	0.7	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	15.1	1,709	8.8	1.0	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	40.1	4,313	9.3	1.9	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	205.0	6,312	32.5	6.6	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.9	702	32.5	1.9	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	39.4	1,816	21.7	3.2	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	35.8	3,258	11.0	1.8	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	103.9	4,630	22.4	4.1	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	48.1	5,479	8.8	2.4	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	14.8	885	16.7	1.2	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.5	4,092	10.4	1.4	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	113.1	4,784	23.6	8.1	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	36.8	4,111	9.0	1.8	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	36.6	1,001	36.6	2.9	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	114.7	4,105	27.9	9.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		X	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		X	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		X	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		X	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		X	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		X	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		X	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD:
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150 Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần
Express DXG 2020Q4	8/10/20	

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639